

Market Today: Tỷ trọng cổ phiếu về mức cân bằng

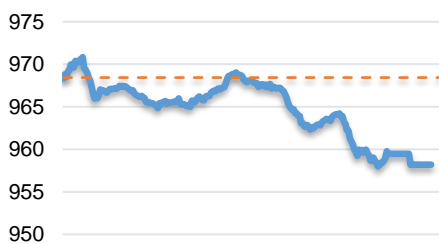
06/09/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

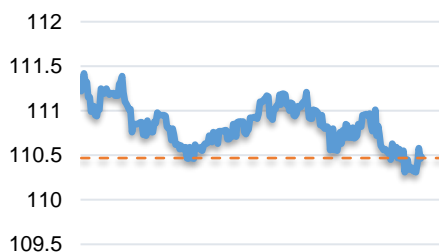
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	958.19	110.48	50.91
% ngày	(1.06)	0.01	(0.13)
% tuần	(3.03)	(2.04)	(0.81)
% tháng	(0.21)	4.62	0.36
% năm	20.75	5.72	(6.21)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,595.77	677.24	164.73
Hôm qua	3,629.85	884.94	161.83
TB 1 tháng	3,618.46	631.00	216.77
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	417.48	46.30	23.24
Bán	495.56	30.30	11.96
Giá trị ròng	(78.08)	16.00	11.28
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	106	75	67
Mã Giảm	171	80	67
Không Đổi	76	229	600
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.2x	10.6x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,096	194	842
LS Cổ tức	2.22	2.43	4.03

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Ngược với diễn biến TTCK trong khu vực, TTCK VN tiếp tục giảm mạnh và có sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm cổ phiếu. Các cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục giảm mạnh trong phiên như VIC (-3.45%), VHM (-0.94%), VCB (0.5%), VNM (-2.7%), BID (-1.06%) đã làm cho chỉ số VN-Index giảm 1.06% xuống mức gần thấp nhất trong phiên 958.2 điểm và chỉ số Upcom Index giảm nhẹ 0.13% và đóng cửa tại 50.9 điểm. Riêng chỉ số HNX-Index được hỗ trợ bởi VGC và VCG đã giữ cho chỉ số tại mức tham chiếu 110.5 điểm.

Nhóm cổ phiếu có mức vốn hóa lớn như các dòng bất động sản, ngân hàng, tiêu dùng – bán lẻ đồng loạt giảm giá khiến cho thị trường sụt giảm sâu. Riêng đối với nhóm ngành ngân hàng thì có mã TPB đã giảm sàn trong phiên đóng cửa ở mức 24,650 đồng/cp cùng với các mã giảm mạnh như BID, VCB, CTG... gây ảnh hưởng lớn đến chỉ số.

Điểm tích cực trong phiên hôm nay dù các cổ phiếu Bluechips trụ cột bị bán mạnh nhưng tâm lý xả hàng không xảy ra. Thậm chí nhiều cổ phiếu đóng cửa tăng điểm như MSN, NVL, VHC, GAS và HPG. Trên sàn HNX, VGC, VCG, TV2 hay DBC là những mã tăng giá mạnh giúp cho chỉ số HNX-Index vẫn có được một phiên tăng điểm.

Khối ngoại bán ròng gần 51 tỷ đồng trên cả 3 sàn với lượng bán ròng lớn vẫn tập trung tại sàn HSX với tổng giá trị bán ròng trong phiên khoảng 78 tỷ đồng. Trong khi đó trên HNX và Upcom tiếp tục được khối ngoại mua ròng liên tiếp trong 05 phiên giao dịch gần đây. Lượng bán ròng vẫn tập trung tại các cổ phiếu như VNM, HPG, BID, VRE, NVL.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường vẫn có khả năng sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật trong vài phiên tới. Đồng thời, chỉ số VN-Index cũng đang giao dịch gần vùng hỗ trợ ngắn hạn 950 điểm và nhiều cổ phiếu cũng đang rơi vào trạng thái quá bán ngắn hạn cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế bán tháo trong các nhịp giảm. Ngoài ra, mức độ phân hóa sẽ tiếp tục diễn ra trong vài phiên tới và tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh dưới mức 50% cho thấy rủi ro ngắn hạn tiếp tục dàn gia tăng hơn so với dự kiến.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự 994.87 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức chốt lỗ 109.93 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn hạn chế bán tháo ở nhịp giảm và tận dụng nhịp hồi phục kỹ thuật để hạ tỷ trọng cổ phiếu hoặc cơ cấu lại danh mục.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 47% cổ phiếu/53% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.20	TĂNG	GIẢM	17.15	17.16	0.29%			19.58		
ACB	32.70	TĂNG	GIẢM	35.60	32.58	-8.15%			41.80		
ACV	80.70	GIẢM	GIẢM		84.97				95.72		
BFC	27.00	GIẢM	GIẢM		28.79				28.92		
BHN	81.00	GIẢM	GIẢM		86.58				104.52		
BID	32.75	TĂNG	TĂNG	25.80	32.31	26.94%		33.40	25.09	-1.95%	
BMP	55.50	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	-1.25%			62.30		
BSR	16.70	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	86.00	GIẢM	GIẢM	78.00	87.54	12.23%	BÁN		91.06		
BWE	18.05	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	1.98%			19.20		
CEO	13.30	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	-0.75%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.10	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	-1.05%		14.39	12.77	-2.02%	
CTD	163.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.03%		161.20	130.49	1.12%	
CTG	25.90	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	7.92%			28.07		
CTI	28.15	GIẢM	GIẢM		31.39				33.12		
CVT	24.30	GIẢM	GIẢM		26.24				29.58		
DCM	10.05	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	-1.10%			10.69		
DGW	25.30	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	5.86%			26.51		
DHA	26.75	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	91.40	GIẢM	GIẢM		95.89			114.49	95.93	-16.21%	BÁN
DPG	50.30	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	22.98%		52.00	50.13	-3.27%	MUA
DPM	17.10	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.70	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.13%			39.04		
DQC	29.05	TĂNG	GIẢM	29.55	27.30	-1.69%			31.92		
DRC	25.90	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	0.19%		24.30	21.27	6.58%	
DXG	26.95	GIẢM	GIẢM		28.67				29.38		
ELC	8.85	GIẢM	GIẢM		9.18				10.59		
FCN	15.40	GIẢM	TĂNG		16.68			17.70	13.88	-12.99%	
FIT	4.12	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-3.51%			5.07		
FMC	25.05	TĂNG	TĂNG	21.20	23.45	18.16%		24.70	23.95	1.42%	MUA
FPT	42.35	GIẢM	GIẢM	42.90	43.22	0.74%	BÁN		45.46		
GAS	100.20	TĂNG	GIẢM	101.50	98.03	-1.28%		103.00	101.12	-1.83%	MUA
GEX	27.35	GIẢM	TĂNG		29.74			30.10	25.97	-9.14%	
GIL	50.50	TĂNG	TĂNG	41.65	48.66	21.25%		34.90	42.03	44.70%	
GMD	27.10	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	6.69%			28.65		
GTN	10.45	GIẢM	TĂNG		11.45			11.20	9.83	-6.70%	

We Create Fortune

HAG	6.09	GIẢM	TĂNG		7.16			6.19	5.86	-1.62%	
HAX	15.25	GIẢM	GIẢM		16.04				18.52		
HBC	21.95	GIẢM	GIẢM	22.95	22.04	-3.97%	BÁN		27.24		
HDB	36.50	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	-4.45%			42.32		
HNG	17.75	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	6.29%		8.20	14.10	116.46%	
HPG	38.65	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	3.90%			42.50		
HSG	10.45	GIẢM	GIẢM		11.17				13.29		
HT1	13.00	TĂNG	TĂNG	11.75	12.36	10.64%			12.91		
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	37.00	GIẢM	TĂNG	33.00	37.73	14.35%	BÁN	39.20	30.48	-5.61%	
ITD	12.00	TĂNG	TĂNG	12.40	11.66	-3.23%		12.40	11.14	-3.23%	
KBC	11.85	GIẢM	GIẢM		12.50				13.24		
KDH	31.00	TĂNG	GIẢM	30.30	30.34	2.31%			33.01		
KSB	31.75	TĂNG	GIẢM	30.95	30.23	2.58%			33.01		
LCG	9.36	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-1.06%		9.39	9.33	-0.32%	MUA
LDG	14.55	TĂNG	GIẢM	15.00	13.91	-3.00%			15.06		
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		41.04				43.94		
LPB	9.10	GIẢM	GIẢM		9.70				11.99		
LSS	6.76	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	94.80	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	19.85%		90.60	77.28	4.64%	
MWG	116.40	GIẢM	TĂNG		122.62			121.00	104.78	-3.80%	
NKG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.70				16.72		
NLG	30.10	GIẢM	GIẢM		31.78				31.83		
NT2	26.10	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.70	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.28%		10.45	8.94	-7.18%	
NTP	48.50	TĂNG	GIẢM	46.40	46.73	4.53%			51.08		
PAC	39.30	TĂNG	GIẢM	40.20	38.63	-2.24%			42.18		
PC1	24.70	GIẢM	GIẢM		26.12				29.19		
PDR	24.90	GIẢM	GIẢM	26.60	25.05	-5.81%	BÁN		29.12		
PGC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-2.44%			15.68		
PHR	24.55	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	12.10%		24.00	21.09	2.29%	
PLX	67.10	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	10.91%		68.00	54.57	-1.32%	
PNJ	96.00	GIẢM	TĂNG		104.22			103.90	83.29	-7.60%	
POW	13.80	TĂNG	GIẢM	13.00	13.31	6.15%		14.10	13.91	-1.32%	MUA
PPC	17.95	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.97%			19.21		
PTB	57.90	TĂNG	TĂNG	60.00	57.49	-3.50%		64.00	53.16	-9.53%	
PVD	14.45	TĂNG	TĂNG	15.75	14.35	-8.25%		16.35	11.75	-11.62%	
PVI	29.10	TĂNG	GIẢM	29.90	28.43	-2.68%			33.54		
PVS	21.00	TĂNG	TĂNG	17.00	19.73	23.53%		20.90	14.67	0.48%	
PXS	5.84	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-5.65%	
RAL	88.00	TĂNG	GIẢM	91.00	84.58	-3.30%			102.96		
REE	34.40	GIẢM	TĂNG	36.40	34.76	-4.52%	BÁN	36.40	30.73	-5.49%	
SAB	222.80	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	7.12%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.35	TĂNG	GIẢM	7.16	6.95	2.65%		7.59		
SBV	24.00	GIẢM	GIẢM		26.29			29.26		
SCR	8.91	GIẢM	GIẢM		9.52			10.30		
SHI	6.17	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-11.73%	
SJS	18.90	GIẢM	GIẢM		20.12			21.87		
SKG	21.80	GIẢM	TĂNG		22.73		23.10	19.32	-5.63%	
SSI	30.90	TĂNG	GIẢM	29.55	30.13	4.57%		34.19		
STB	11.05	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	-1.34%		12.71		
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCB	24.80	GIẢM	TĂNG		27.26		18.40	4.60	34.78%	
TCM	22.95	TĂNG	TĂNG	17.80	21.47	28.93%	21.60	17.43	6.25%	
TDH	11.20	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-4.27%		12.95		
TLH	7.10	GIẢM	GIẢM		7.48			8.20		
TMT	7.10	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28		
TNG	12.20	TĂNG	TĂNG	10.80	11.68	12.96%		11.90		
TYA	10.35	GIẢM	GIẢM		10.78			12.27		
VCB	60.30	GIẢM	GIẢM	57.50	60.49	5.20%	BÁN	64.41		
VFG	36.80	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	7.00%	
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.58	5.59%		21.13		
VHM	105.00	GIẢM	N/A		110.44					
VIB	26.30	GIẢM	GIẢM		28.21			30.67		
VIC	98.00	GIẢM	TĂNG		105.74		111.50	92.44	-12.11%	
VIP	6.86	GIẢM	GIẢM		7.10			7.29		
VJC	147.00	GIẢM	GIẢM		156.26		156.00	154.12	-1.21%	MUA
VNM	122.10	GIẢM	GIẢM		131.95			175.10		
VPB	24.60	GIẢM	GIẢM		26.68			31.64		
VRC	23.10	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	30.14%	19.35	19.13	19.38%	
VRE	36.55	GIẢM	GIẢM		39.22			44.98		
VSC	40.40	TĂNG	TĂNG	35.50	39.30	13.80%	35.30	33.83	14.45%	
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.61		17.40	16.64	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	958.19	(1.06)
VN30	932.12	(0.94)
VN Mid	1,003.68	(0.49)
VN Small	805.10	(0.46)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	417.48	
Bán	495.56	
GT rỗng	(78.08)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	270	6.8%
OGC	200	6.7%
PME	3,300	4.9%
ANV	800	4.4%
HT1	550	4.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TPB	(1,850)	-7.0%
SJF	(1,550)	-6.9%
HAG	(410)	-6.3%
TCH	(1,750)	-6.2%
HAR	(270)	-4.6%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	312,779	
VHM	281,359	
VCB	216,945	
VNM	212,630	
GAS	191,778	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	10.33	10.19
FLC	8.77	15.76
ASM	6.69	4.17
VPB	6.50	4.53
OGC	6.47	2.50

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	110.48	0.01
HN30	200.21	0.15
VNX AllSh	1,346.98	(0.92)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	46.30	
Bán	30.30	
GT rỗng	16.00	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	1,800	7.1%
TV2	6,000	5.2%
NDN	700	5.1%
DBC	1,000	3.6%
VGC	500	2.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	(3,600)	-7.0%
TNG	(200)	-1.6%
CEO	(200)	-1.5%
VCS	(1,200)	-1.3%
SHB	(100)	-1.2%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,782	
VCS	14,128	
SHB	9,866	
PVS	9,381	
VGC	8,474	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	4.29	6.79
PVS	4.16	6.89
VGC	3.24	1.58
ACB	3.16	5.42
NVB	1.42	1.65

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	50.91	(0.13)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	23.24	
Bán	11.96	
GT rỗng	11.28	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	200	0.8%
POW	100	0.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVN	(1,500)	-3.9%
DVN	(200)	-1.3%
LPB	(100)	-1.1%
QNS	(300)	-0.8%
OIL	(100)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	175,694	
MCH	54,040	
BSR	51,778	
HVN	46,223	
POW	32,318	

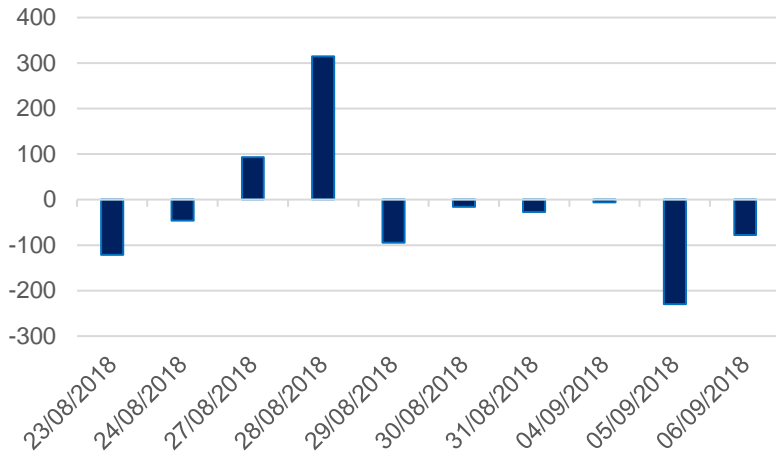
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HVN	1.33	0.89
BSR	1.15	1.86
POW	0.59	1.37
LPB	0.57	1.84
OIL	0.50	0.76

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

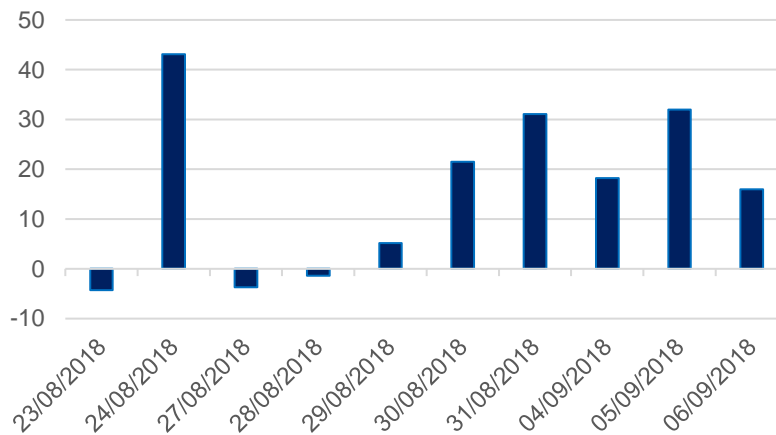
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
MSN	29,572	VNM	(23,776)
SBT	7,180	HPG	(20,788)
E1VFN30	6,810	BID	(12,719)
SAB	5,310	VRE	(11,280)
PLX	5,129	NVL	(10,468)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

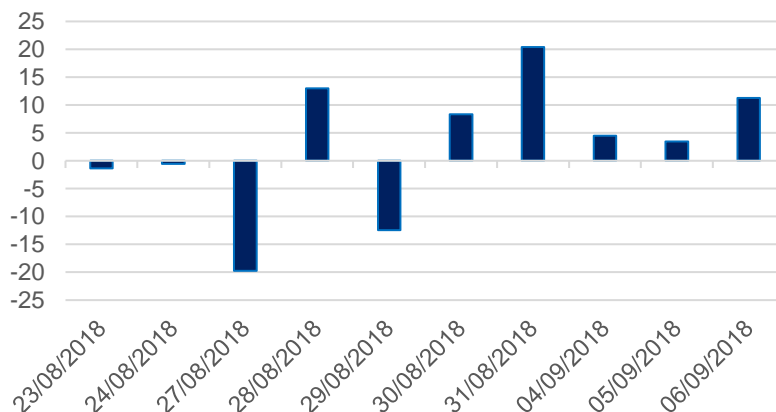
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	11,890	CSC	(2,893)
VGC	8,510	NDN	(1,804)
DBC	2,582	CEO	(1,384)
NTP	773	VCG	(1,360)
ITQ	553	TIG	(1,101)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	5,419	VGT	(478)
VEA	2,455	MPC	(361)
HVN	2,039	ART	(185)
QNS	1,527	ACV	(81)
VGG	271	GEG	(80)

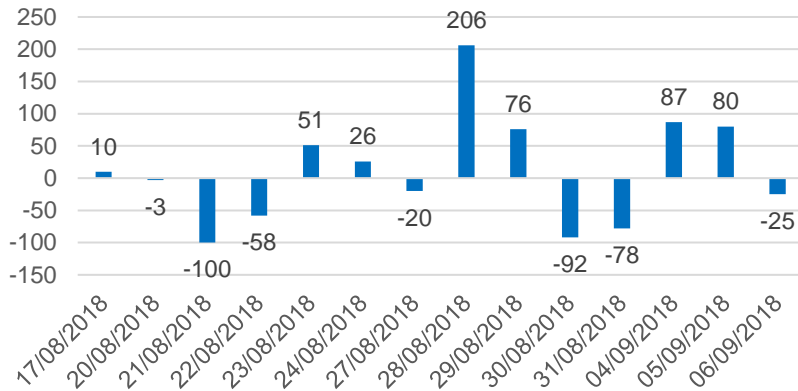
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

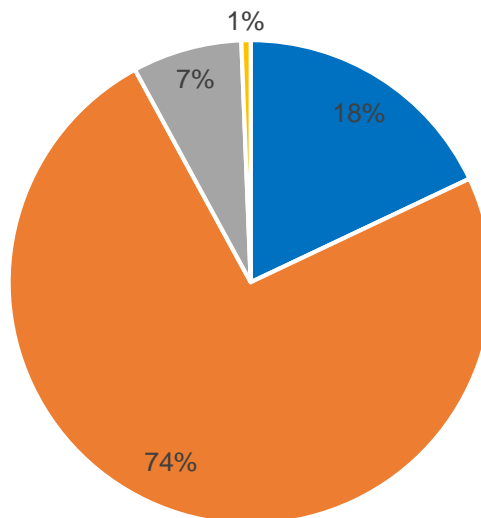


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>NVL</b>	35,538	<b>NVL</b>	34,226
<b>HPG</b>	35,236	<b>NVL</b>	33,352
<b>MWG</b>	17,099	<b>MWG</b>	17,598
<b>SSI</b>	9,406	<b>HPG</b>	9,072
<b>VIC</b>	8,705	<b>E1VFN30</b>	6,985

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



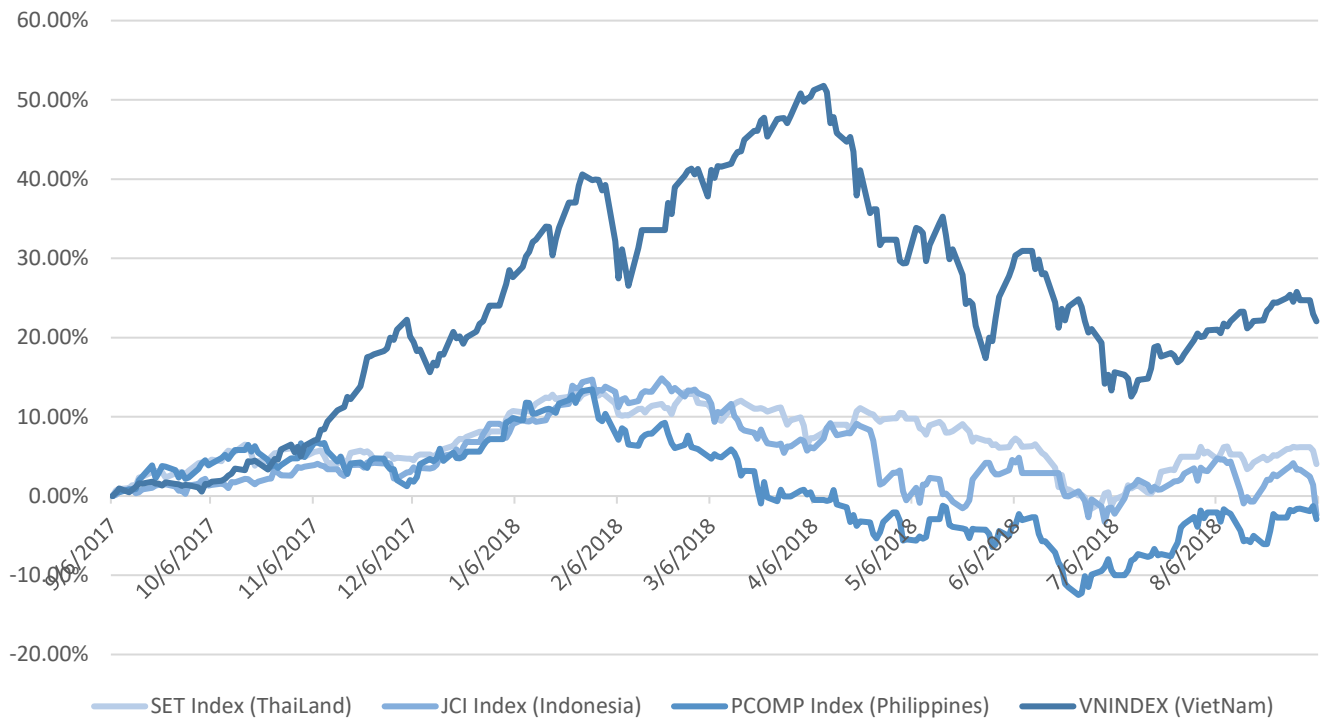
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

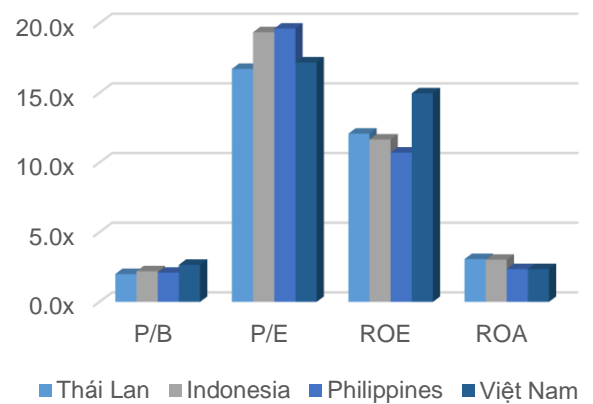
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.7x	19.4x	19.6x	17.2x
ROE	%	12.08	11.65	10.72	14.97
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.36
Vốn hóa	Tỷ USD	518.67	431.08	180.78	132.78
GTGD	Triệu USD	1.61	0.49	0.08	0.15
LS cổ tức	%	3.13	2.35	1.55	2.22

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written